Lesson Sheet

A2 · Week 2 · Session 2 · a2-w02-s2 · v1 draft

Asking About Prices and Quantities

• Học sinh biết đặt câu hỏi và trả lời trôi chảy về giá cả bằng cấu trúc 'How much is / are...?'..

• Học sinh phân biệt cách dùng 'How much' (cho danh từ không đếm được/giá tiền) và 'How many' (cho danh từ đếm được), kết hợp lượng từ 'a lot of'.

Grammar: Asking About Prices and Quantities: How much / How many / A lot of

Dùng 'How much is + danh từ số ít?' hoặc 'How much are + danh từ số nhiều?' để hỏi giá tiền. Dùng 'How many + danh từ số nhiều?' và 'How much + danh từ không đếm được?' để hỏi số lượng. Lượng từ 'A lot of' (nhiều) dùng linh hoạt với cả danh từ đếm được và không đếm được.

Price: How much is/are + N? -> It is / They are + [price]. | Quantity: How many + N(pl) + are there? / How much + N(uncount) + do you need? | S + have/has + a lot of + N

Khởi động và tìm hiểu từ vựng giá cả · 10 phút
Học sinh làm quen với các từ vựng chỉ tiền nong và mua sắm (price, discount, cost, customer), luyện đọc to và ghép tranh.

Phân tích ngữ pháp How much / How many & bài đọc · 15 phút
Học sinh phân biệt cách hỏi giá và số lượng, đọc bài về Harry và Lily mua đồ dùng học tập rồi trả lời câu hỏi đọc hiểu.

Nghe hội thoại tại quầy đồ dùng & luyện nói hỏi giá · 15 phút
Học sinh nghe cuộc trò chuyện giữa Lily và nhân viên bán hàng, sau đó ghép cặp thực hành hỏi giá các món đồ trong lớp.

Viết nhật ký mua sắm và làm trắc nghiệm A2 · 10 phút
Học sinh viết đoạn văn 45-60 từ về việc mua sắm đồ dùng học tập và hoàn thành 8 câu trắc nghiệm củng cố.

Vocabulary Worksheet

A2 · Week 2 · Session 2 · a2-w02-s2 · v1 draft

Viết nghĩa tiếng Việt và một câu của riêng con cho từng từ.

customer /ˈkʌstəmə(r)/ (noun)

Nghĩa: _____

My sentence: _____

cost /kɒst/ (verb)

Nghĩa: _____

My sentence: _____

price /praɪs/ (noun)

Nghĩa: _____

My sentence: _____

expensive /ɪkˈspensɪv/ (adjective)

Nghĩa: _____

My sentence: _____

cheap /tʃiːp/ (adjective)

Nghĩa: _____

My sentence: _____

discount /ˈdɪskaʊnt/ (noun)

Nghĩa: _____

My sentence: _____

kilogram /ˈkɪləgræm/ (noun)

Nghĩa: _____

My sentence: _____

total /ˈtəʊtl/ (noun)

Nghĩa: _____

My sentence: _____

Grammar Worksheet

A2 · Week 2 · Session 2 · a2-w02-s2 · v1 draft

Asking About Prices and Quantities: How much / How many / A lot of

Price: How much is/are + N? -> It is / They are + [price]. | Quantity: How many + N(pl) + are there? / How much + N(uncount) + do you need? | S + have/has + a lot of + N

Choose the correct question word: '_____ pencils do you have in your bag?'

A. How much

B. How many

C. How long

Complete the price question: '_____ is this warm winter jacket?'

A. How many

B. How much

C. How often

Vận dụng

Viết 5 câu của riêng con sử dụng cấu trúc vừa học.

Reading Worksheet

A2 · Week 2 · Session 2 · a2-w02-s2 · v1 draft

Shopping for School Supplies

Before the new school term begins, Harry and his sister Lily visit the Central Stationery Store. The store is full of customers because there is a back-to-school discount on pens, markers, and notebooks. Harry needs four blue pens and two sketchbooks. Lily asks the shop assistant, 'How much are these watercolor paints?' The assistant explains that the small set costs five pounds, which is very cheap. The large set is twelve pounds and rather expensive. Lily chooses the small set to save money. Harry also picks a lot of stickers for his school binders. The total bill is eighteen pounds. Both children are delighted with their new school items.

How many blue pens does Harry need according to the passage?
A. Two pens
B. Four pens
C. Twelve pens

Why did Lily choose the small watercolor set?
A. Because the large set was sold out.
B. Because the small set was cheap and saved money.
C. Because she did not like painting.

Viết một điều con nhớ từ bài đọc:

Listening Worksheet

A2 · Week 2 · Session 2 · a2-w02-s2 · v1 draft

At the Stationery Counter

Lần nghe 1: Nghe để biết Lily đã hỏi giá của những món đồ dùng học tập nào.
Lần nghe 2: Nghe kỹ giá gốc và giá sau khi giảm của chiếc hộp bút màu vàng.

How much does the yellow pencil case cost after the discount?
A. Six dollars
B. Four dollars
C. Five dollars and fifty cents

How many colored pencils are inside the yellow pencil case?
A. Ten pencils
B. Twelve pencils
C. Eighteen pencils

Từ hoặc cụm từ con nghe được

Mở audio trên trang bài học. Transcript nằm trong Answer Key của phụ huynh.

Writing Worksheet

A2 · Week 2 · Session 2 · a2-w02-s2 · v1 draft

Write a short shopping report (40-70 words) about buying school supplies or clothes.

Độ dài tham khảo: 40–70 từ.

• Câu 1: Cửa hàng em đã ghé thăm và món đồ cần mua.

• Câu 2: Số lượng và giá cả của các món đồ (dùng How much/How many/a lot of).

• Câu 3: Đánh giá món đồ đó đắt hay rẻ và tổng tiền.

Checklist

¡Sử dụng từ vựng chỉ giá cả (cost, price, cheap, expensive).

¡Dùng đúng cấu trúc chỉ số lượng (a lot of, numbers).

¡Đoạn văn có độ dài từ 40 đến 70 từ.

Speaking Card

A2 · Week 2 · Session 2 · a2-w02-s2 · v1 draft

Practice asking and answering about prices and quantities of items in a shop.

How much is your school bag?

How many pens do you bring to school every day?

Do you like buying things with a discount? Why?

Bố mẹ quan sát

¡Sử dụng chính xác 'How much' khi hỏi giá và 'How many' khi hỏi số lượng đếm được.
¡Phát âm rõ ràng các con số và đơn vị tiền tệ (dollars, pounds).

Từ vựng gợi ý

customer · cost · price · expensive · cheap · discount · kilogram · total